



BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI MAN - MÓN QUÀ TƯƠNG LAI

SMARTLIFE GROUP
ĐỒNG PHƯƠNG THẢO
Phone/Zalo: 0988 56 0000

SỐ HỢP ĐỒNG: 3840178709
NGÀY HIỆU LỰC: 21/04/2025

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

HỌ VÀ TÊN	VAI TRÒ	NGÀY SINH	TUỔI	GIỚI TÍNH	MỐI QUAN HỆ
PHẠM ANH VŨ	BÊN MUA BẢO HIỂM	09/12/1975	49	Nam	Cha/mẹ
PHẠM MINH ANH	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH	03/03/2025	0	Nữ	Con
ĐẶNG LÀY MÙI	NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM ĐÍNH KÈM	31/08/1980	44	Nữ	Cha/mẹ

KẾ HOẠCH BẢO HIỂM

CLICK VÀO TÊN SẢN PHẨM ĐỂ XEM ĐIỀU KHOẢN

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BH	SỐ PHÍ BH	THỜI HẠN BH	DIỄN GIẢI CHI TIẾT
Quỹ dự phòng rủi ro NĐBH: Phạm Minh Anh	1,555,000,000	20,068,000	Đến 99 tuổi	Bảo vệ đến năm 99 tuổi, chi trả 100% STBH hoặc giá trị hoàn lại (tùy thuộc giá trị nào lớn hơn tại thời điểm sự kiện xảy ra).
Quỹ tai nạn và thương tật nặng cao NĐBH: Phạm Minh Anh	1,555,000,000	Đính kèm sản phẩm chính	Đến 70 tuổi	Bảo vệ trong các trường hợp sau: - Thương tật do tai nạn: chi trả lên đến 1.555.000.000đ, tùy thương tật - Tổn thương nội tạng: 15% Số tiền bảo hiểm bổ trợ, tối đa 150.000.000đ - Gãy xương do TN: chi trả lên đến 1.555.000.000đ, tùy tình trạng gãy xương - Bỏng nghiêm trọng do TN: đến 1.555.000.000đ, tùy tình trạng bỏng - Tử vong do tai nạn: 3.110.000.000đ <i>Quyền lợi tử vong do tai nạn sẽ trừ đi QL thương tật đã chi trả trước đó</i>
Thẻ Chăm sóc sức khỏe - bảo lãnh VÀNG (NỘI TRÚ) NĐBH: Phạm Minh Anh	500,000,000	8,800,000	Tái tục hàng năm	Bảo lãnh thanh toán tại các Bệnh viện uy tín, sử dụng tại Đông Nam Á: - Phí bảo hiểm của Thẻ sức khỏe năm Hợp đồng tiếp theo có thể thay đổi theo Tuổi của NĐBH. Quyền lợi bảo vệ duy trì liên tục (không lặp lại thời gian chờ) - Chi trả tối đa 500.000.000Đ/năm - Chi phí Cấy Ghép Nội Tạng của người nhận tạng: Chi phí y tế thực tế. Chi phí phẫu thuật và chi phí y tế của người hiến tạng: 50% Chi phí y tế thực tế - Chi phí phòng và giường: 2.500.000đ/ngày. Phòng và giường tại khoa CSDB: Theo chi phí y tế thực tế. Tối đa 60 ngày/năm - Trợ cấp y tế nằm viện tại BV công: 250.000đ/ngày. Tối đa 30 ngày/năm - Chi phí vật lý trị liệu: 5.000.000đ/đợt - Chi phí dịch vụ y tế tại nhà: 500.000đ/ngày. Tối đa 10 ngày/năm - Chi Phí Phẫu Thuật: 50.000.000đ/đợt (Trừ phẫu thuật điều trị Ung Thư) - Chi phí Điều Trị Ung Thư, Điều trị trước nhập viện - 30 ngày trước nhập viện; Điều trị sau xuất viện - 60 ngày sau khi xuất viện, Chi phí y tế nội trú khác: Chi phí y tế thực tế. - Chi phí xe cứu thương: 5.000.000đ/năm - Chi phí Phẫu Thuật Trong Ngày: 20.000.000đ/năm. - Chi phí Điều Trị Ngoại Trú do Tai Nạn: 10.000.000đ/năm - Chi phí lọc máu ngoài thận: 10.000.000đ/năm
Thẻ Chăm sóc sức khỏe - bảo lãnh VÀNG (NGOẠI TRÚ) NĐBH: Phạm Minh Anh	12,000,000	5,600,000	Tái tục hàng năm	Bảo lãnh thanh toán tại các Bệnh viện uy tín, sử dụng tại Việt Nam: - Chi trả tối đa 12.000.000đ/năm, không giới hạn số lần khám. - Chi phí Vật Lý Trị Liệu và trị liệu thần kinh cột sống: 2.000.000đ/năm - Chi phí Y Học Thay Thế: 2.000.000đ/năm - Các chi phí khám bệnh, thuốc kê toa, chi phí chuẩn đoán, xét nghiệm do Bác sĩ chỉ định và cần thiết về mặt Y khoa: Tối đa 2.000.000đ/lần (Chi Phí Y Tế Thực Tế)
Bệnh lý nghiêm trọng nặng cao NĐBH: Phạm Minh Anh	1,000,000,000	2,650,000	Đến 70 tuổi	Bệnh lý nghiêm trọng trước tuổi 70, tổng cộng 134 bệnh qua 3 giai đoạn, cụ thể: - Giai đoạn sớm: 250.000.000đ / bệnh, tối đa 4 lần - Giai đoạn giữa: 500.000.000đ/ bệnh, tối đa 2 lần - Giai đoạn cuối: 1.000.000.000đ/ bệnh, tối đa 1 lần - Bệnh đặc biệt theo giới tính: 250.000.000đ/bệnh, tối đa 1 lần Tổng quyền lợi chi trả tối đa 325% STBH
Bù đắp thu nhập - trợ cấp Y Tế mở rộng NĐBH: Phạm Minh Anh	200,000	962,000	Đến 85 tuổi	Bảo hiểm đến năm 85 tuổi, chi trả thu nhập cho mỗi ngày nằm viện: - Khoa thường: Năm 1: 200.000đ/ngày, Năm 2: 300.000đ/ngày, Năm 3: 400.000đ/ngày. Từ ngày nằm viện thứ 6: 480.000đ/ngày - Khoa đặc biệt: 800.000 đ/ngày - QL trợ cấp y tế đặc biệt: 500 lần STBH tương đương 100.000.000Đ - Từ sau 70 tuổi, nếu NĐBH tử vong: 500 lần STBH tương đương 100.000.000Đ

BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI MAN - MÓN QUÀ TƯƠNG LAI

Thẻ Chăm sóc sức khỏe - bảo lãnh VÀNG (NỘI TRÚ) NĐBH: Đặng Lầy Mùi	500,000,000	5,250,000	Tái tục hàng năm	Bảo lãnh thanh toán tại các Bệnh viện uy tín, sử dụng tại Đông Nam Á: - Phí bảo hiểm của Thẻ sức khỏe năm Hợp đồng tiếp theo có thể thay đổi theo Tuổi của NĐBH. Quyền lợi bảo vệ duy trì liên tục (không lập lại thời gian chờ) - Chi trả tối đa 500.000.000đ/năm - Chi phí Cấy Ghép Nội Tạng của người nhận tạng: Chi phí y tế thực tế. Chi phí phẫu thuật và chi phí y tế của người hiến tạng: 50% Chi phí y tế thực tế - Chi phí phòng và giường: 2.500.000đ/ngày. Phòng và giường tại khoa CSDB: Theo chi phí y tế thực tế. Tối đa 60 ngày/năm - Trợ cấp y tế nằm viện tại BV công: 250.000đ/ngày. Tối đa 30 ngày/năm - Chi phí vật lý trị liệu: 5.000.000đ/đợt - Chi phí dịch vụ y tế tại nhà: 500.000đ/ngày. Tối đa 10 ngày/năm - Chi Phí Phẫu Thuật: 50.000.000đ/đợt (Trừ phẫu thuật điều trị Ung Thư) - Chi phí Điều Trị Ung Thư, Điều trị trước nhập viện - 30 ngày trước nhập viện; Điều trị sau xuất viện - 60 ngày sau khi xuất viện, Chi phí y tế nội trú khác: Chi phí y tế thực tế. - Chi phí xe cứu thương: 5.000.000đ/năm - Chi phí Phẫu Thuật Trong Ngày: 20.000.000đ/năm. - Chi phí Điều Trị Ngoại Trú do Tai Nạn: 10.000.000đ/năm - Chi phí lọc máu ngoài thận: 10.000.000đ/năm
Thẻ Chăm sóc sức khỏe - bảo lãnh VÀNG (NGOẠI TRÚ) NĐBH: Đặng Lầy Mùi	12,000,000	1,870,000	Tái tục hàng năm	Bảo lãnh thanh toán tại các Bệnh viện uy tín, sử dụng tại Việt Nam: - Chi trả tối đa 12.000.000đ/năm, không giới hạn số lần khám. - Chi phí Vật Lý Trị Liệu và trị liệu thần kinh cột sống: 2.000.000đ/năm - Chi phí Y Học Thay Thế: 2.000.000đ/năm - Các chi phí khám bệnh, thuốc kê toa, chi phí chuẩn đoán, xét nghiệm do Bác sĩ chỉ định và cần thiết về mặt Y khoa: Tối đa 2.000.000đ/lần (Chi Phí Y Tế Thực Tế)

MỨC PHÍ ĐỊNH KỲ

PHÍ BẢO HIỂM NĂM	NĂM ĐÓNG PHÍ	HOÀN PHÍ BẢO HIỂM RỦI RO
45.200.000Đ	Dự kiến 20 năm	QL duy trì HĐ định kỳ: 3.0% GTTK cơ bản trung bình của 3 năm gần nhất QL duy trì hợp đồng đặc biệt: - Cuối năm thứ 10: 88% tổng phí BH rủi ro của SP chính trong 10 năm HĐ đầu tiên - Cuối năm thứ 15: 88% tổng phí BH rủi ro của SP chính từ năm thứ 11 đến năm 15 - Cuối năm thứ 20: 88% tổng phí BH rủi ro của SP chính từ năm thứ 16 đến năm 20 QL đặc biệt duy trì sản phẩm bổ trợ: - Năm thứ 10: 50% phí BH. Năm thứ 20: 300% phí BH bổ trợ quy năm đã đóng trong thời hạn xem xét

